TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TPĐ** **TỈNH TG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2021/DSST Ngày: 05-4-2021 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông VNH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn A.

2. Ông Ngô Văn B.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị H T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TPĐ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa: Không tham gia – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TPĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1974;

Địa chị: ấp TX, xã T Ph, huyện TPĐ, tỉnh TG.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp T X, xã T Ph, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T, ông Tr có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Ngày 17 tháng 11 năm 2018, bà Tơ có cho ông Lê Văn Tr mượn 02 chỉ 24Kra để ông Tr bắt bò. Việc bà Tơ cho mượn tiền không có làm biên nhận. Ông Tr có thỏa thuận miệng trong vòng 02 tháng sẽ trả cho bà T nhưng ông Tr không trả.

Nay bà T yêu cầu ông Tr trả lại bà 02 chỉ vàng 24kra.

Theo Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Văn Tr trình bày:

Khoản năm 2018, bà T có đưa ông Tr 02 chỉ vàng 24Kra để bán dùm bà T. Sau khi bán xong ông Tr đưa tiền cho bà T. Sau khi nhận tiền bán vàng thì ông Tr và bà T đi ăn uống và chở bà T đi cho bà T mua đồ từ số tiền của ông Tr. Còn số tiền bán vàng thì bà T mua đồ cá nhân của bà T, ông Tr cũng không rõ. Ông Tr không giữ số tiền bán vàng của bà T nên với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông Tr không đồng ý trả lại bà T 02 chỉ vàng 24Kra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TPĐ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T yêu cầu bà Lê Văn Tr trả cho bà Hồ Thị T 02 *(hai)* chỉ vàng 24kra. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T cung cấp cho Tòa án "Biên bản làm việc" của Công an xã Tân Phú nhưng nội dung biên bản làm việc ông Tr không thừa nhận có vay 02 chỉ vàng 24kra của bà T mà chỉ là chở bà T đi bán vàng và đã đưa tiền lại xong. Tại tờ tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa ông Tr không thừa nhận có mượn vàng của bà T mà chỉ là bán vàng, bán xong ông Tr đưa tiền cho bà T. Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc có vay vàng của ông Tr. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là không có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc bà Hồ Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc yêu cầu bà Lê Văn Tr trả cho bà Hồ Thị T 02 *(hai)* chỉ vàng 24kra.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc bà Hồ Thị T chịu số tiền án phí là 513.500 đồng *(Năm trăm mười ba nghìn năm trăm đồng đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số 49666 ngày 29 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TPĐ nên bà Hồ Thị T phải nộp tiếp số tiền là 213.500 đồng *(Hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng)*.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- THADS huyện TPĐ
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

VNH